

**BỘ CÔNG AN****BỘ CÔNG AN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 12/2014/TT-BCA-A81

Hà Nội, ngày 19 tháng 3 năm 2014

**THÔNG TƯ****Quy định danh mục bí mật nhà nước độ Mật của ngành Ngoại giao**

*Căn cứ Pháp lệnh Bảo vệ bí mật nhà nước ngày 28/12/2000;*

*Căn cứ Nghị định số 33/2002/NĐ-CP ngày 28/3/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Bảo vệ bí mật nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 77/2009/NĐ-CP ngày 15/9/2009 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;*

*Sau khi thống nhất với Bộ trưởng Bộ Ngoại giao, Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư quy định danh mục bí mật nhà nước độ Mật của ngành Ngoại giao như sau:*

**Điều 1. Danh mục bí mật nhà nước độ Mật của ngành Ngoại giao gồm những tin, tài liệu trong phạm vi sau:**

1. Báo cáo, chương trình, kế hoạch định kỳ; báo cáo vụ việc, báo cáo chuyên đề liên quan đến tình hình chính trị, an ninh, kinh tế thế giới và khu vực, công tác đối ngoại, xây dựng ngành và các công tác khác của Bộ Ngoại giao chưa công bố hoặc không công bố.

2. Tờ trình giải quyết công việc và ý kiến chỉ đạo xử lý, giải quyết của lãnh đạo Bộ Ngoại giao ghi trên tờ trình về những vấn đề có nội dung thuộc danh mục bí mật nhà nước độ Mật theo quy định tại Điều này.

3. Kế hoạch cử đoàn ra và đoàn vào cấp cao hoặc những đoàn có tính chất đặc biệt chưa công bố hoặc không công bố.

4. Đề án chính trị và báo cáo kết quả đón đoàn cấp cao nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế, những đoàn có tính chất đặc biệt thăm, làm việc tại Việt Nam; đề án chính trị và báo cáo kết quả của các Đoàn cấp cao lãnh đạo Đảng và Nhà nước hoặc những đoàn có tính chất đặc biệt của ta đi thăm nước ngoài hoặc tham dự các hội nghị quốc tế chưa công bố hoặc không công bố.

5. Nội dung trao đổi, tiếp xúc đối ngoại của cán bộ ngành Ngoại giao với đại diện ngoại giao các nước, các tổ chức quốc tế về các vấn đề nhạy cảm, quan trọng chưa công bố hoặc không công bố.

6. Phương án đàm phán, tài liệu liên quan chuẩn bị cho đàm phán và nội dung đàm phán các điều ước quốc tế giữa Việt Nam với các nước, các tổ chức quốc tế chưa công bố (trừ tài liệu thuộc danh mục Tuyệt mật, Tối mật).

7. Tài liệu nghiên cứu và kết quả các công trình nghiên cứu khoa học về các vấn đề thuộc danh mục bí mật nhà nước độ Mật theo quy định tại điều này hoặc có ý nghĩa quan trọng liên quan trực tiếp đến việc hoạch định chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước.

8. Tài liệu nghiên cứu và kết quả các công trình nghiên cứu khoa học về việc xác định và quản lý biên giới lãnh thổ chưa công bố hoặc không công bố. Kế hoạch tổ chức các cuộc nghiên cứu, điều tra, khảo sát khu vực biên giới đang tranh chấp.

9. Thỏa thuận hợp tác, phối hợp công tác giữa Bộ Ngoại giao và các Bộ, ban, ngành chưa công bố hoặc không công bố.

10. Các kiến nghị về thành lập hoặc rút cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài hoặc việc kiến lập, đình chỉ quan hệ ngoại giao giữa Việt Nam với nước ngoài; việc gia nhập hoặc rút khỏi tổ chức quốc tế chưa công bố.

11. Tài liệu, hồ sơ nhân sự về cán bộ chủ chốt của ngành Ngoại giao đang giữ cương vị hoặc được dự kiến giới thiệu vào chức vụ từ cấp Vụ hoặc tương đương trở lên; các tài liệu về kế hoạch tuyển dụng, đào tạo, bổ nhiệm, quy hoạch, sắp xếp nhân sự, cử cán bộ đi công tác nhiệm kỳ hoặc kỷ luật cán bộ chưa công bố; kết luận của các cơ quan chức năng về xác minh, thẩm tra nhân sự được tuyển dụng vào làm việc tại Bộ Ngoại giao, cán bộ, nhân viên ngoại giao đi công tác nhiệm kỳ và đi học dài hạn ở nước ngoài.

12. Tài liệu thanh tra, kiểm tra; kết luận thanh tra, kiểm tra chưa công bố; kết quả giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo về những vấn đề có nội dung thuộc danh mục bí mật nhà nước.

13. Các tài liệu về thiết kế, thông số kỹ thuật hệ thống máy tính của ngành Ngoại giao; cơ sở dữ liệu được quản lý trong hệ thống mạng nội bộ; các mã khóa, mật khẩu, quy ước về đảm bảo an ninh, an toàn trong ứng dụng công nghệ thông tin của ngành Ngoại giao.

14. Báo cáo, tờ trình liên quan đến việc giải quyết bất động sản của Nhà nước Việt Nam ở nước ngoài.

15. Hồ sơ thiết kế, cơ chế hoạt động, vận hành của Trụ sở Bộ Ngoại giao.

16. Vật mang bí mật nhà nước (USB, CPU, ổ cứng, sổ ghi chép...) có chứa nội dung thông tin hoặc văn bản thuộc danh mục bí mật nhà nước độ Mật.

17. Các báo cáo, văn bản khác có sử dụng tin, tài liệu thuộc danh mục bí mật nhà nước độ Mật của các cơ quan, tổ chức khác.

**Điều 2. Hiệu lực thi hành**

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 5 năm 2014 và thay thế Thông tư số 42/2009/TT-BCA ngày 03/7/2009 của Bộ Công an quy định danh mục bí mật nhà nước độ Mật của ngành Ngoại giao.

**Điều 3. Trách nhiệm thi hành**

1. Bộ Ngoại giao và Bộ Công an có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc thi hành Thông tư này.

2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ; Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

**BỘ TRƯỞNG**

**Đại tướng Trần Đại Quang**